TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÈO VẠC** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HS-ST
Ngày 27-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Yên
- Các Hội thẩm nhân dân: ông Ngô Chí Cường, Vàng Minh Vừ
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** ông Vàng Mí Chứ- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26-27/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 04/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 13/9/2022 đối với các bị cáo:

1. Giàng Mí S; (tên gọi khác: Không); sinh năm 1993 tại: xã G, huyện M, tỉnh H; nơi cư trú: thôn C, xã G, huyện M, tỉnh H; nghề nghiệp: làm nương; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Hmông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng Chứ N, sinh năm 1974 và bà Vàng Thị S1, sinh năm 1973; vợ: (chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn với Giàng Thị M1, sinh năm 1995); con: 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/3/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mèo Vạc. Có mặt.

2. Vừ Mí K; (tên gọi khác: Không); sinh năm 1999 tại: xã G huyện M, tỉnh H; nơi cư trú: thôn C, xã G, huyện M, tỉnh H; nghề nghiệp: làm nương; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Hmông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vừ Cà X, sinh năm 1966 và bà Vừ Thị D, sinh năm 1967; vợ: Hờ Thị L, sinh năm 2000; con: 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mèo Vạc. Có mặt.

3. Giàng Chứ N; (tên gọi khác: Không); sinh năm 1974 tại: xã G, huyện M, tỉnh H; nơi cư trú: thôn C, xã G, huyện M, tỉnh H; nghề nghiệp: làm nương; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Hmông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng Sình H1 (đã chết) và bà Vàng Thị K1(đã chết); vợ: Vàng Thị S1, sinh năm 1973 và 08 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mèo Vạc. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Giàng Mí S*: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vừ Mí K*: Bà Vương Thị Minh Huệ – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Giàng Chứ N*: Bà Vương Thị Minh Huệ – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. có mặt.

- *Các bị hại:*

1. Ông Vừ Mí S2, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn C1, xã C2, huyện M, tỉnh H. có mặt.

2. Ông Vừ Mí C3, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn L, xã C2, huyện M, tỉnh H. có mặt.

- *Người làm chứng*: Già Mí P1, Vừ Mí C4, Giàng Thị M1, Vàng Thị S1, Giàng Mí T, Giàng Mí P, có mặt; Sình Thị P2, Giàng Mí V, Giàng Mí S3, Giàng Mí S4, vắng mặt.

- *Người phiên dịch*: Ông Mua Mí C5, sinh năm: 1971, địa chỉ: xã P3, huyện M, tỉnh H. có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang và Công an xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang tiếp nhận tố giác của ông Vừ Mí S2, đề nghị điều tra, xử lý về việc: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26/01/2022, anh Vừ Mí C3 đến nhờ ông dùng xe máy chở C3 đi sang xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc để đón chị Giàng Thị M1 thì được ông đồng ý. Khi ông chở C3 đi đến đoạn rừng trúc thuộc thôn Hố Quáng Phìn, xã Giàng Chu Phìn thì ông dừng xe lại để cho C3 xuống xe đứng ở cạnh đường chờ, còn ông tiếp tục đi xe máy theo hướng vào trụ sở UBND xã Giàng Chu Phìn để đón chị M1 ra cho C3, ông S2 đồng ý. Khi ông S2 điều khiển xe máy đi vào đến gần hồ treo, thuộc thôn Hố Quáng Phìn, xã Giàng Chu Phìn thì gặp M1 đang đứng ở cạnh đường nên ông S2 dừng xe lại để đón chị M1 thì ngay lúc này có 06 đến 07 người thanh niên trên tay cầm gậy chạy từ bên trong nương cạnh đường ra chặn xe của ông S2 và hỏi ông S2 đi vào đây làm gì. Ông S trả lời là: *"Vào đón M1 cho C3, C3 đang đứng ở khu vực rừng trúc đợi"*, nhóm người này không tin nên yêu cầu ông S2 gọi điện cho C3 vào để nói chuyện nhưng C3 không nghe *(lúc này ông S2 mới biết trong nhóm có 01 người tên là K và 01 người tên là S chồng của M1, không biết họ đầy đủ, đều trú tại thôn C, xã G, còn lại những người khác do trời tối nên ông S2 không nhìn thấy đặc điểm nhận dạng và không biết họ, tên, tuổi),* sau đó S, K yêu cầu ông S2 vào thôn để giải quyết nhưng ông S2 không đồng ý. Thấy vậy, S bắt ông S2 phải để lại chiếc xe máy khi nào tìm, đưa được C3 đến nói chuyện thì sẽ trả xe cho ông S2. Do chỉ có một mình và chỉ biết mỗi một mình K đi cùng nhóm người trên, còn lại những người khác ông S2 không biết tên, tuổi nên ông S2 chấp nhận để lại chiếc xe máy của mình cho nhóm người này rồi đi về nhà. Ngày 27/01/2022,

ông S2 tiếp tục vào nhà của K *(lúc này ông S2 mới biết họ là Vừ Mí K, là Trưởng thôn)* để xin lại chiếc xe. Tại nhà K, ông S2 mới biết người thanh niên đã chặn và yêu cầu ông S2 để lại chiếc xe máy là Giàng Mí S *(là chồng của Giàng Thị M1)*, là người cùng thôn với K, nhưng do ông S2 không đưa được Vừ Mí C3 vào để giải quyết sự việc nên K, Giàng Mí S *(chồng M1)* cùng với Giàng Chứ N *(bố đẻ của Giàng Mí S)* không trả chiếc xe cho ông S2. S, K, N yêu cầu ông S2 cùng với S mỗi người đặt cọc 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* và hẹn: *"nếu đến 14 giờ cùng ngày ông S2 không đưa được Vừ Mí C3 vào giải quyết vụ việc thì ông S2 sẽ mất số tiền trên"*, do chỉ có một mình nên ông sợ đồng ý đưa số tiền trên rồi đi về nhà. Sau khi về nhà, ông S2 đã tìm gặp Vừ Mí C3 và nói lại toàn bộ sự việc trên cho C3, đồng thời yêu cầu C3 phải tự đi giải quyết để lấy lại chiếc xe máy cho ông S2, C3 đồng ý. Trong các ngày 28 và 30/01/2022, Vừ Mí C3 đã nhờ Già Mí P1 *(Công an viên)*, Vừ Mí C4 *(Trưởng thôn)* và mẹ C3 là bà Sình Thị P2 sang nhà Vừ Mí K để giải quyết vụ việc. Tại đây, K, S, N đã yêu cầu gia đình Vừ Mí C3 phải trả số tiền 55.000.000 đồng *(năm mươi lăm triệu đồng)* và số tiền 1.600.000 đồng *(một triệu sáu trăm nghìn đồng)* để S, K, N làm 02 mâm cơm cho mọi người cùng ăn nên những người C3 nhờ đi nói chuyện gọi điện thoại nói lại sự việc S, K, N yêu cầu phải trả số tiền trên, do phải lấy chiếc xe máy về trả cho ông S2 nên C3 đồng ý. Tuy nhiên, sau khi Vừ Mí C3 đã trả đủ số tiền trên nhưng S, K, N vẫn không trả chiếc xe máy cho ông S2.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Mèo Vạc, các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K và Giàng Mí N đã khai nhận hành vi của mình như sau:

Khoảng tháng 9/2021, ông Vừ Mí S2 đi đến thôn C, xã G, huyện M V để tìm mua lợn *(ông S2 làm nghề mổ lợn để bán)* nên gặp và quen biết với chị Giàng Thị M1, để thuận tiện cho việc đi tìm mua lợn ở trong thôn, ông S2 đã xin số điện thoại của M1 để liên lạc. Khoảng tháng 12/2021, trong khi đang bán thịt lợn cùng nhau, do biết chồng của M1 là Giàng Mí S đang đi làm thuê ở Trung Quốc nên ông S2 đã giới thiệu và đưa số điện thoại của M1 cho Vừ Mí C3 *(vợ của C3 đã bỏ đi Trung Quốc từ năm 2019)* để C3 làm quen. Sau khi có được số điện thoại của M1, C3 đã gọi điện làm quen với M1. Mặc dù đã có chồng nhưng do C3 và M1 thường xuyên gọi điện nói chuyện với nhau nên M1 đã nảy sinh tình cảm nam nữ với C3, đồng thời M1 cũng đã sang nhà C3 nhiều lần.

Bị cáo Giàng Mí S: Trong thời gian đi làm thuê ở Trung Quốc, bị cáo Giàng Mí S đã gửi số tiền 5.000NDT *(năm nghìn nhân dân tệ)* về cho M1 để M1 chi tiêu vào việc gia đình. Tuy nhiên, khi ở nhà M1 đã tự ý bán tài sản chung của gia đình gồm: 01 *(một)* con bò, 01*(một)* con lợn và tiêu hết số tiền do S đi làm thuê gửi về. Do ở cùng thôn và biết được việc M1 đã bán tài sản của gia đình, mẹ chồng của M1 là bà Vàng Thị S1 đã chửi M1, đồng thời yêu cầu M1 mua con bò khác về nuôi nhưng M1 không nghe nên M1 đã bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ của mình tại thôn N1, xã G, huyện M, tỉnh Hg. Đến khoảng cuối tháng 01/2022 *(trước tết âm lịch khoảng 01 tuần)* bị cáo S đi làm thuê quay về Việt Nam. Khi về đến nhà chỉ thấy các con ở nhà và được các con cho biết vợ đã bỏ đi sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ, đồng thời, bị cáo S được người nhà cho biết, trong thời gian bị cáo S đi làm thuê thì M1 đã bán bò, lợn của gia đình nên bị cáo S đến nhà ông Giàng Mí L *(bố đẻ của M1)* để tìm M1 nhiều lần nhưng đều không

gặp. Ngày 24/01/2022, bị cáo S tiếp tục đi sang nhà bố đẻ M1 để tìm M1 thì thấy M1 đang ở nhà, gặp nhau bị cáo S khuyên M11 về nhà nhưng do đã có tình cảm với C3 và muốn lấy C3 làm chồng nên M1 không đi cùng bị cáo S về nhà. Khoảng 06 giờ ngày 25/01/2022, bị cáo S đi sang nhà bố mẹ đẻ của mình là Giàng Chứ N và bà Vàng Thị S1 với mục đích nhờ bố mẹ đẻ cùng mình đi đón M1ở nhà bố mẹ vợ. Đến nơi, thấy bố mẹ đẻ đang ở nhà nên bị cáo S nói: *"bây giờ bố mẹ cùng con đi đón vợ con về"* thì N và bà S1 đồng ý. Sau đó, bị cáo S cùng bố mẹ đẻ đi xe máy sang nhà bố mẹ vợ. Đến nơi, do không thấy M1 ở nhà nên bị cáo S, bị cáo N, bà S1 ngồi đợi đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì thấy M1 về nhà, gặp nhau bị cáo S hỏi: *"sao lại bán bò, bán lợn đi hết, tiền đâu?"*, nghe vậy, M1 trả lời: *"bán để lo cho các con và gia đình hết rồi"*, bị cáo S tiếp tục hỏi về số tiền do bị cáo S đã gửi về thì M1 cũng nói đã tiêu hết. Do chưa được sự đồng ý của mình mà M1 đã tự ý bán tài sản của gia đình nên bị cáo S bắt M1 phải trả cho mình số tiền bán bò, bán lợn và 5.000NDT *(năm nghìn nhân dân tệ)* mà mình gửi về thì M1 nói: *"thế thì đi dắt bò về"*. Nghe M1 trả lời như vậy, thấy bực tức nên bị cáo S đã dùng tay tát vào mặt của M1 một phát, đồng thời nói: *"tao lấy mày về mười năm mà chưa đánh mày lần nào"*, bị đánh M1 nói: *"thế tao dắt bò về cho mày"* rồi đi ra ngoài. Còn bị cáo S, bị cáo N và bà S1 ngồi đợi khoảng 01 tiếng nhưng không thấy M1 quay lại nên cả ba người đi về nhà. Sáng ngày 26/01/2022, bị cáo S gọi điện cho Giàng Mí V *(Công an viên thôn C)* với mục đích nhờ V đi cùng mình sang nhà bố mẹ vợ để giải quyết việc của hai vợ chồng S. Khi V nghe máy, bị cáo S nói trong thời gian S đi làm thuê thì M1 ở nhà đã bán lợn, bán bò và tiêu hết số tiền bị cáo gửi về nên bị cáo nhờ V đi cùng giải quyết thì V đồng ý rồi tắt máy. Ngay sau đó, bị cáo S tiếp tục gọi điện cho bị cáo Vừ Mí K, qua điện thoại S nói với K nội dung như đã nói với V và nhờ K đi cùng mình thì K đồng ý. Sau đó, bị cáo S tiếp tục bảo bố mẹ đẻ, anh trai ruột là Giàng Mí T và em trai ruột là Giàng Mí P1 đi cùng. Khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo S, bị cáo N, bà S1, T, P1, bị cáo K, V bắt đầu đi đến nhà bố vợ của bị cáo S. Đến nơi, do không thấy M1 ở nhà nên mọi người ngồi đợi được khoảng 01 tiếng sau thì thấy hai vợ chồng em trai ruột của M1 là Giàng Mí S3 về nhà, lúc này bị cáo S hỏi S3 có thấy M1 về nhà không thì S3 trả lời không thấy. Sau đó, bị cáo S cùng mọi người tiếp tục ngồi đợi đến khoảng 14 giờ cùng ngày nhưng vẫn không thấy M1 về nên mọi người đi về nhà bị cáo S. Tại đây, bị cáo S lấy rượu ra mời mọi người cùng uống, khi mỗi người uống hai chén rượu thì bị cáo N nói: *"bây giờ gọi điện cho M1 xem M1 đang ở đâu"* nên bị cáo Sí gọi điện thoại cho M1 nhưng M1 không nghe. Sau đó, bị cáo K tiếp tục gọi điện thì M1 nghe máy, K nói: *"em đang ở đâu thì về nhà, trưởng thôn hộ giải quyết"*. Nghe vậy, M1 đồng ý về nhà và nói cho K biết mình đang trên đường từ thị trấn Mèo Vạc đi về, sau đó K, P1 mỗi người điều khiển một chiếc xe máy đi ra thị trấn Mèo Vạc để đón M1. Khoảng 01 tiếng sau thì K, P1 đưa được M1 về đến nhà bị cáo S. Tiếp đó, bị cáo S gọi điện cho hai em trai ruột của M1 là Giàng Mí S4 và Giàng Mí S3 đến để chứng kiến giải quyết việc của hai vợ chồng S, khoảng 20 phút sau, S4 và S3 đến. Lúc này, bị cáo N hỏi M1: Có muốn lấy S làm chồng nữa không, M1 trả lời là: "*Không muốn lấy S làm chồng nữa"*. Sau đó, bị cáo S tiếp tục hỏi M1 về việc M1 đã bán lợn, bán bò và số tiền S đi làm thuê gửi về đang ở đâu thì M1 tiếp tục trả lời đã tiêu hết rồi. Do nghi ngờ M1 có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên mới không muốn

lấy mình nữa, bị cáo Giàng Mí S tiếp tục hỏi M1: *"nếu có số điện thoại của ai thì gọi nó ra đây, bắt nó lấy, nó có trách nhiệm trả tiền tao"*. Nghe vậy, bị cáo K cũng nói*: "Bây giờ gọi nó đến xem thằng nào thì bắt nó trả số tiền mà cái M1 đã tiêu hết"*. Tiếp đó, bị cáo N, bị cáo S tiếp tục yêu cầu M1 gọi điện cho người mà M1có quan hệ tình cảm đến nhưng M1 không nghe. Do bực tức việc của chị gái mình nên Giàng Mí S4 đã tát một phát vào mặt M1 và nói: *"bây giờ có gì thì cứ nói thật ra, gọi thằng kia đến để giải quyết"*. Do bị ép và sợ nên M1 đã nói cho các bị cáo S, N, K biết số điện thoại của người mà mình có quan hệ tình cảm nam nữ là Vừ Mí C3, khi biết số điện thoại của C3, các bị cáo S, K ép M1 gọi điện và nói dối C3 là M1 đang đi ở ngoài đường một mình, chồng M1 không lấy M1 nữa và bảo C3 đến đón M1 *(bị cáo S và K ép M1 gọi điện và nói dối C3 với mục đích là để C3 đến đón M1 rồi bắt C3 về nhà bị cáo S để giải quyết).* Sau đó, M1 gọi điện cho C3 và nói như nội dung mà các bị cáo S, K đã dặn thì C3 đồng ý đến đón M1, sau khi M1 tắt máy thì bị cáo S liền cầm điện thoại của M1. Sợ đợi ở nhà mình thì C3 không dám đến đón M1 nên bị cáo S bảo mọi người đi ra ngoài đường để đợi C3 thì mọi người đồng ý. Sau đó, bị cáo S, P1, M1, hai em trai ruột của M1 là S4 và S3, bị cáo K, V cùng nhau đi ra ngoài đường để chặn *"bắt"* C3, một số người đi xe máy còn một số người thì đi bộ theo sau. Khi đến gần Ủy ban xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc sợ đi xe máy sẽ bị lộ nên bị cáo S bảo mọi người dừng lại và để xe máy ở gần Ủy ban xã. Tại đây, bị cáo K tiếp tục ép M1 gọi điện cho C3 để hỏi xem C3 đã đi chưa và bảo C3 đến đón M1 ở đoạn đường gần hồ treo thuộc thôn Hố Quáng Phìn, xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc nên bị cáo S đưa điện thoại cho M1 để M1 gọi điện cho C3 thì được C3 cho biết là C3 đang trên đường đến, rồi tắt máy. Sau khi M1 gọi điện xong thì bị cáo K cầm điện thoại của M1 vì sợ M1 gọi điện nói cho C3 biết. Do sợ C3 đến đông người nên bị cáo S bảo P1, V quay lại gian bếp nhà mình lấy gậy *(là các đoạn cây củi chỉ mang theo để đề phòng)* thì P1, V đồng ý rồi P1 điều khiển xe máy cùng V quay về nhà bị cáo S lấy gậy, còn bị cáo S, bị cáo K, M1, S3, S4 đi bộ đi trước. P1, V lấy 05 đoạn cây củi ở gian bếp nhà S *(các đoạn cây củi dài khoảng 01 mét, to bằng nửa cổ tay của người lớn)* rồi quay lại và để xe máy ở vị trí trước đó, rồi đi bộ theo sau mọi người. Khi đến đoạn đường gần hồ treo thuộc thôn Hố Quáng Phìn, xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc thì bị cáo S bảo mọi người dừng lại. Tại đây, bị cáo S và K tiếp tục ép M1 gọi điện cho C3 thì được C3 cho biết là C3 đi gần đến rồi *(sau khi tắt máy, M1 tự cầm điện thoại của mình)*. Sau khi biết C3 đi gần đến nơi nên các bị cáo K, S *"bắt"* M1 ngồi ở lề đường đợi C3, còn những người khác trốn ở hốc đá trong nương ngô hai bên đường. Trước đó, P1, V mỗi người cầm một đoạn gậy, ba đoạn gậy còn lại thì vứt xuống lề đường. Đối với ba đoạn gậy này thì bị cáo S nhặt ném một đoạn về vị trí của S3 đang trốn, bị cáo S cầm 01 *(một)* đoạn, Giàng Mí S4 cầm 01 *(một)* đoạn gậy.

Do có tình cảm và tin tưởng M1 nên khi được M1 gọi điện cho nhiều lần thì Vừ Mí C3 đã đồng ý đến đón M1. Tuy nhiên, do đi một mình sợ, đồng thời chiếc xe máy của C3 đã cũ không đi được ba người nên C3 đã gọi điện và nhờ ông S2 lấy xe máy của ông S2 đi cùng mình để đón M1 thì ông S2 đồng ý. Sau đó, C3 một mình điều khiển xe máy đến nhà ông S2 ở thôn C1, xã C2. Gặp nhau, C3 tiếp tục nói cho ông S2 nghe về việc M1 gọi điện cho mình sang đón vì chồng M1 không lấy M1 nữa. Sau đó, ông S2 sử dụng chiếc xe máy của mình

nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 23B1-441.33 do ông S2 điều khiển chở C3 đi đến xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc để đón M1. Khi đi đến địa phận thôn Tìa Chí Đơ, xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc do sợ bị gia đình chồng của M1 lừa nên ông S2 bảo C3 xuống xe và nói: *"em cứ đợi anh ở đây, nếu là thật thì anh đón M1 về đây để hai người cùng đi, còn không thì anh quay lại đón em về nhà"*, C3 đồng ý và ngồi đợi ở lề đường, còn ông S2 một mình điều khiển xe tiếp tục đi theo hướng vào Ủy ban nhân dân xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc. Khi đi đến đoạn đường gần hồ treo thuộc thôn Hồ Quáng Phìn, thì ông S2 nhìn thấy M1 đang ngồi ở lề đường bên phải *(theo chiều đi của ông S2)* nên ông S2 dừng xe ở gần vị trí của M1 và hỏi: *"sao em lại ngồi đây, ở bên kia lại có một cái xe?"* thì ngay lập tức các bị cáo S, K cùng những người khác đang trốn ở hốc đá trong nương ngô hai bên đường lao ra chặn, vây lấy xe máy của ông S2. Lúc này, thấy xe vẫn nổ máy, sợ ông S2 bỏ chạy nên bị cáo K đã dùng tay tắt máy của xe. Lúc này, do người điều khiển xe máy đang đeo khẩu trang và đội mũ bảo hiểm, không biết là ai nên bị cáo K yêu cầu người này bỏ mũ bảo hiểm, khẩu trang ra thì các bị cáo K, S cùng mọi người nhận ra ông S2 *(sau khi nhận ra ông S2 và biết ông S2 chỉ đi một mình nên mọi người đã vứt các đoạn gậy xuống lề đường, ở gần vị trí chặn xe của ông S2, quá trình điều tra không thu giữ được)* nên bị cáo K hỏi ông S2: *"anh đi đâu, sao dừng lại đây?"*. Do thấy đông người và lo sợ nên ông S2 nói dối là mình đang đi tìm mua bò ở thôn Dìn Chủa Phàng, xã Giàng Chu Phìn nhưng các bị cáo K, S không tin. Bị cáo K tiếp tục hỏi: *"Đi tìm mua bò ở nhà ai, gọi ra đây xem có đúng không"*, lúc này ông S2 mới thừa nhận được C3 nhờ đến để đón M1 nhưng K2 và mọi người vẫn không tin nên các bị cáo K, S tiếp tục yêu cầu ông S2 đưa điện thoại để kiểm tra xem có phải ông S2 là người gọi điện cho M1 hay không. Sau khi kiểm tra, không thấy có số điện thoại của M1 trong điện thoại của ông S2 nên các bị cáo K, S tiếp tục kiểm tra trên người, trong cốp xe máy của ông S2 cũng không phát hiện thấy chiếc điện thoại nào khác. Bị cáo K tiếp tục hỏi ông S2: *"Thằng C3 đâu?"* thì ông S2 nói C3 đang ở bên kia nên các bị cáo K, S bảo ông S2 quay lại cùng P1, S3, bị cáo K và một số người khác để đi tìm C3. Còn M1, bị cáo S chờ ở vị trí chặn xe máy của ông S2. Đến nơi, S2 và người nhà của bị cáo S không tìm thấy C3 *(do trước đó chờ lâu, đồng thời khi gọi điện cho ông S2 thì nghe thấy tiếng đông người nên C3 biết đã xảy ra chuyện với ông S2 và sợ người nhà của chồng M1 đến tìm nên C3 đi bộ quay về nhà chị gái của mình là Vừ Thị M2 để ngủ nhờ)*. Sau khi không tìm thấy C3, ông S2 cùng người nhà bị cáo S quay lại vị trí của bị cáo S và M1. Lúc này, do không tìm thấy C3 nên bị cáo K yêu cầu ông S2 đi vào trong thôn để giải quyết nhưng ông S2 không đồng ý, còn bị cáo S đã ép ông S2 để lại chiếc xe máy. Do thấy có đông người, bản thân lại một mình, sợ bị cáo S và mọi người không cho về nên ông S2 buộc phải đồng ý để lại xe máy của mình cho bị cáo S. Được một lúc sau, người nhà của ông S2 đi xe ô tô đến đón ông S2 về. Sau khi S2 đi về, bị cáo S bảo P1 điều khiển xe máy của ông S2 đi về cất ở trước cửa nhà bị cáo S, những người khác *(một số người đi bộ, một số người đi xe máy)* đi về nhà bị cáo S ngồi uống rượu với nhau đến rạng sáng ngày 27/01/2022, trong khi uống rượu, sợ ông S2 quay lại lấy xe máy nên bị cáo S bảo P1 điều khiển xe về cất ở nhà P1. Mọi người ngồi uống rượu ở nhà bị cáo S đến gần sáng thì ra về.

Sau khi được người nhà đưa về nhà ngủ, đến sáng ngày 27/01/2022, ông Vừ Mí S2 gọi điện cho C3 nhiều lần nhưng không liên lạc được. Sau đó, ông S2 một mình điều khiển xe máy đến nhà K với mục đích lấy lại chiếc xe máy của mình đã bị các bị cáo S, K giữ từ tối hôm trước. Khoảng 10 giờ cùng ngày, ông S2 đến nhà bị cáo K nên K đã gọi cho V, bị cáo S cùng người nhà của bị cáo S đến nhà K để giải quyết sự việc. Được một lúc sau, người nhà của bị cáo S gồm: bị cáo S, P1, M1, T, N, bà S1, V, hai em cậu của S *(S4 và S3)* đến. Ngoài ra, còn có một số người khác là hàng xóm cũng đến xem, mọi người nói chuyện với nhau ở gian giữa trong nhà bị cáo K. Lúc này, bị cáo N nói với ông S2 nếu không tìm thấy C3 thì ông S2 sẽ phải lấy M1 về làm vợ nhưng ông S2 không đồng ý, đồng thời ông S2 nói không tìm thấy C3, gọi điện thoại cho C3 thì thuê bao không liên lạc được, ông S2 muốn xin lấy chiếc xe máy về để đi tìm C3 nhưng các bị cáo N, S không đồng ý. Sợ ông S2 không tìm và đưa C3 quay lại nên bị cáo N nói: *"Bây giờ không tìm được C3 đến thì mỗi bên đặt cọc một triệu đồng, nếu 14 giờ chiều nay bên nào không đến thì lấy số tiền này đi mua thức ăn"*. Sau đó, bị cáo S tiếp tục nói như lời của bị cáo N. Nghe vậy, do sợ bị cáo S và gia đình S không cho mình về nên ông S2 đồng ý. Ngay sau đó, bị cáo S, ông S2 mỗi bên lấy ra số tiền 1.000.000đồng *(một triệu đồng)* đặt ở trên bàn uống nước. Sau đó, ông S2 đi về nhà, còn bị cáo S và một số người khác ngồi ở nhà bị cáo K đợi *(số tiền này, sau khi ông S2 đi về bị cáo K cất đi)*.

Khoảng 12 giờ ngày 27/01/2022, sau khi từ nhà chị M2 về đến nhà, C3 bật nguồn điện thoại của mình lên rồi gọi điện và hỏi ông S2: *"hôm trước xảy ra việc gì, anh có bị đánh không?"*. Nghe vậy, ông S2 đã kể lại toàn bộ sự việc xảy ra tối hôm trước cho C3 nghe thì C3 bảo S2 đến nhà mình để nói chuyện rồi tắt máy, ngay sau đó, ông S2 một mình điều khiển xe máy từ nhà đến nhà C3. Gặp nhau, ông S2 tiếp tục kể lại sự việc đã xảy ra vào tối hôm trước cho C3 nghe, đồng thời nói cho C3 biết bên gia đình chồng của M1 đã giữ xe máy của ông S2 và bắt ông S2 phải đặt cọc số tiền 1.000.000đồng *(một triệu đồng)*, họ hẹn 14 giờ chiều nay phải đưa C3 đến để giải quyết việc nếu không thì sẽ mất số tiền này. Nghe vậy, do sợ bị S và người nhà của S đánh nên C3 không đi mà đưa cho ông S2 số tiền 1.000.000đồng *(một triệu đồng)* trước đó ông S2 đã bỏ ra đặt cọc với gia đình bị cáo S. Sau đó, ông S2, C3 cùng nhau quay về nhà ông S2 để lấy chiếc xe máy mà C3 đã để từ tối hôm trước rồi C3 điều khiển xe về nhà. Đến 14 giờ cùng ngày, như đã hẹn không thấy ông S2 đến nên bị cáo K đã nhiều lần gọi điện thoại cho ông S2 nhưng do C3 không đồng ý đi nên S2 nói dối K là chưa tìm được C3.

Sau khi ông S2 không đưa được C3 đến như đã hẹn và đã thống nhất với nhau trước đó nên bị cáo K đưa tiền cho Giàng Mí S4 và P1 đi mua thức ăn, rượu về nấu cơm cùng nhau ăn tại nhà K. Số tiền của bị cáo S đã đặt cọc trước đó thì bị cáo K đưa lại cho bị cáo S, bị cáo S cùng người nhà ăn cơm uống rượu tại nhà bị cáo K đến tối thì về nhà.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, lo sợ không lấy lại được xe máy, tiền của ông S2 đã đặt cọc và giải quyết việc của mình với M1 nên C3 đi sang nhà Vừ Mí G1 *(anh trai ruột của C3)* để nhờ G1 đi giải quyết nhưng G1 không đi mà bảo C3 về nhà nhờ mẹ đẻ là bà Sình Thị P2 nên C3 quay về nhà để nhờ thì bà P2 đồng ý đi. Khoảng 30 phút sau, C3 gọi điện cho Già Mí P1 *(Công an viên thôn Làn Chải)* để nhờ P1 đi giải quyết giúp mình, khi P1 nghe máy C3 đã kể lại sự việc

của C3 với M1 cho P1 nghe, đồng thời cho biết hiện nay gia đình chồng của M1 đang giữ chiếc xe máy của ông S2 nên nhờ P1 đi giúp giải quyết nhưng P1 nói: C3 phải báo Công an xã để giải quyết nên C3 tắt máy. Sau đó, C3 sợ khi đến nhà chồng của M1 để giải quyết sẽ bị chồng của M1 phạt tiền vì C3 và M1 có quan hệ bất chính với nhau nên C3 đi đến nhà chị M2 vay số tiền 10.000.000đ *(mười triệu đồng).*

Khoảng 06 giờ ngày *ngày* 28/01/2022*,* C3 tiếp tục gọi điện và hỏi xem P1 có nhà không, thì biết P1 đang ở nhà, C3 điều khiển xe máy đến nhà P1, gặp nhau C3 tiếp tục nhờ P1 đi giúp giải quyết thì P1 đồng ý. Sau đó, C3 đi về nhà và gọi điện cho Vừ Mí C4 *(Trưởng thôn Làn Chải).* Qua nói chuyện, C3 tiếp tục kể lại nội dung như nói với P1 cho C4 nghe thì C4 cũng đồng ý đi giải quyết giúp C3. Khoảng 15 giờ cùng ngày, như đã hẹn C3 gọi điện cho C4, P1 đến nhà mình để cùng mẹ của C3 đi sang thôn Cá Chua Đớ, xã Giàng Chu Phìn. Khi P1, C4 đến, C3 tiếp tục kể lại việc C3 với M1 và hiện nay gia đình nhà chồng của M1 đang giữ xe máy của ông S2 nên nhờ P1, C4 đi nói chuyện xem họ phạt bao nhiêu tiền để nộp phạt để lấy xe máy về trả cho ông S2. Trước khi đi, C3 đưa cho P1 cầm số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* và dặn khi sang bên đấy, giải quyết việc như thế nào thì gọi điện thông báo cho C3 biết, sau đó, C4, P1 và bà P2 bắt đầu đi sang thôn Cá Chua Đớ, P1 điều khiển xe của mình chở bà P2, còn C4 đi một mình một xe. Khi đến ngã ba thuộc thôn Cá Chua Đớ, xã Giàng Chu Phìn *(cách nhà K khoảng 01 km)* do không biết nhà của bị cáo K ở đâu nên P1 đã gọi điện cho K ra đón *(P1 đã có số điện thoại của K từ trước),* khoảng 05 phút sau, bị cáo K ra đón C4, P1 và bà P2 đi vào nhà bị cáo K. Tại đây, bị cáo K gọi điện cho V, bị cáo S cùng người nhà S đến để giải quyết việc. Một lúc sau, V, bị cáo S, P, T, bị cáo N, bà S1, M1 đến *(trong khi giải quyết sự việc thì có nhiều người ở trong thôn đến xem)*. Sau khi uống hết hai chén rượu thì mọi người bắt đầu nói chuyện với nhau, bị cáo K giới thiệu bên gia đình chồng M1 cho C4, P1 và bà P2 biết. Sau đó, bị cáo K hỏi bà P2 là *"có biết cái M1 này không?",* bà P2 hỏi lại *"là đứa nào?"*. Lúc này, bị cáo K mới bảo M1 bỏ khăn che mặt ra thì bà P2 nhận ra và nói với mọi người là M1 đã từng sang nhà bà P2. Tiếp đó, bị cáo K hỏi M1 có muốn lấy bị cáo S làm chồng nữa không thì M1 trả lời: *"Không muốn lấy S nữa mà chỉ muốn lấy C3"*. Sau đó, bị cáo S và bị cáo N đều nói về việc trong thời gian bị cáo S đi làm thuê thì M1 đã tự ý bán bò, lợn và tiêu hết số tiền 5.000NDT *(năm nghìn nhân dân tệ)* nếu M1 đồng ý lấy C3 thì C3 phải trả lại cho bị cáo S số tiền 70.000.000đồng *(bảy mươi triệu đồng).* Nghe vậy, bà P2 nói: *"như thế thì nhiều tiền quá chỉ đồng ý nộp tiền phạt là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)"* nhưng bị cáo S và bị cáo N không đồng ý. Sau đó, P1, C4, bà P2 đi ra trước cửa nhà của bị cáo K, P1 gọi điện cho C3 thì C3 không đồng ý trả cho gia đình bị cáo S số tiền như gia đình S đã yêu cầu nên C4, P1, bà P2 tiếp tục quay vào nói chuyện với mọi người. Do gia đình nghèo, không có tiền nên bà P2 nói với các bị cáo S, N chỉ đồng ý nộp tiền phạt 35.000.000 đồng *(ba mươi lăm triệu đồng)* nhưng các bị cáo S, N không đồng ý. Bị cáo N nói: *"Nếu thế thì giảm xuống 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng)"* nhưng bà P2 vẫn không đồng ý. Thấy hai bên vẫn chưa thống nhất được nên bị cáo K nói giảm xuống 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)* thì hai bên đều đồng ý. Sau khi thống nhất xong do không mang đủ tiền nên bà P2 nói chỉ đưa trước 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng),* số tiền còn lại hẹn hai

ngày sau sẽ trả hết thì các bị cáo S, N đồng ý. Trước khi đưa tiền P1, C4 yêu cầu bị cáo K phải viết biên bản nhưng bị cáo K nói không biết viết nên bị cáo K đã lấy giấy bút ra nhờ Giàng Mí G2 đang đứng xem ở đó viết hộ. Sau khi viết xong thì bị cáo K đưa biên bản cho C4 cầm. Tiếp đó, bà P2 lấy ra số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng, khi đến nhà K, P1 đã đưa tiền cho bà P2 cầm)* đưa cho M1 đếm thấy đủ, M1 đưa cho C4 đếm, C4 lại đưa cho bị cáo K đếm thấy đủ thì bị cáo K đưa cho bị cáo N cất đi. Sau khi hai bên thống nhất xong, bị cáo K yêu cầu hai bên gia đình, mỗi bên làm một mâm cơm, mỗi mâm 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* để mọi người cùng ăn vào lần trả tiền sau thì bị cáo S, bị cáo N và bà P2 đều đồng ý. Tuy nhiên, sợ gia đình C3 không sang trả nốt số tiền còn lại như đã hẹn nên các bị cáo K, S ép người bên gia đình C3 phải ở lại, chỉ cho một người đi về lấy tiền, nếu không thì phải để lại giấy tờ tùy thân. Nghe vậy, do C4 không có thẻ căn cước công dân nên P1 đã đi ra vị trí để xe máy lấy giấy chứng minh thư nhân dân của mình đưa cho bị cáo K cầm, sau đó, P1, C4, bà P2 và M1 đi về *(M1 đi về nhà C3)*. Khoảng 23 giờ cùng ngày, P1, C4, bà P2 và M1 về đến nhà C3, sau đó, P1 và C4 đi về nhà ngủ. Sau khi gia đình C3 đi về thì bị cáo S cùng người nhà cũng đi về nhà.

Đến ngày 29/01/2022, sau khi được mẹ mình nói về số tiền phải trả như các bị cáo S, K, N đã yêu cầu, đồng thời do cần phải lấy chiếc xe máy về trả cho ông S2 nên C3 tiếp tục đi vay tiền của anh em họ hàng nhưng không được, C3 đi sang nhà em trai ruột của mình là Vừ Mí N1 để hỏi N1 xem có mua đất nương không thì N1 đồng ý mua đất nương của C3 với giá 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*. Sau khi đã lo đủ tiền, đến khoảng 07 giờ ngày 30/01/2022, C3 tiếp tục gọi điện cho P1, C4 để nhờ P1 và C4 tiếp tục đi sang thôn Cá Chua Đớ để đưa nốt số tiền còn lại cho các bị cáo S, K, N thì P1, C4 đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, P1, C4 đi xe máy đến nhà C3. Tại đây, C3 đưa cho P1 cầm số tiền 45.000.000 đồng *(bốn mươi lăm triệu đồng)* để đưa cho bị cáo S và đưa cho M1 số tiền 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)* để M1 trả tiền cơm như đã thống nhất từ trước. Sau đó, C4 cùng bà P2 đi một xe do C4 điều khiển, P1 đi cùng M1 một xe do P1 điều khiển. Khoảng 01 tiếng sau thì đến nhà bị cáo K, lúc này, bị cáo K tiếp tục gọi điện cho V, bị cáo S cùng gia đình S đến. Do sợ trời tối và trời rét nên trong thời gian chờ gia đình bị cáo S đến, C4 bảo bị cáo K ứng trước tiền của gia đình K ra trước để đi mua thức ăn thì K đồng ý. Sau đó, K gọi điện cho anh Vàng Mí X1 *(ở cùng thôn)* đến nhờ X1 đi mua thức ăn. Khi X1 đến, bị cáo K đưa cho X1 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)*, X1 cầm tiền rồi một mình điều khiển xe đi ra chợ Trung tâm thị trấn Mèo Vạc mua thức ăn. Khoảng 30 phút sau, bị cáo S, bị cáo N, bà S1, P, V, T đến, mọi người bắt đầu nói chuyện với nhau, do đã thống nhất từ trước nên C4 lấy số tiền 45.000.000 đồng *(bốn mươi lăm triệu đồng, trước đó P1 đã đưa cho C4 cầm số tiền này)* ở trong túi ra đưa cho bị cáo K, K cầm tiền đếm thấy đủ rồi tiếp tục đưa cho bị cáo N, N cầm tiền rồi cất đi. Sau đó, mọi người tiếp tục nói về việc làm hai mâm cơm như đã thống nhất từ trước thì bị cáo S không đồng ý vì C3 đã lấy được M1 về làm vợ nên yêu cầu gia đình C3 phải trả hết số tiền đi mua thức ăn thì bà P2 đồng ý. Được một lúc sau, X1 đi mua thức ăn về và nói cho mọi người biết tiền mua thức ăn hết 1.600.000 đồng *(một triệu sáu trăm nghìn đồng)* nên C4 đưa cho bị cáo K số tiền trên *(trước đó, M1 đã đưa cho C4 2.000.000 đồng để trả tiền cơm)*, đối với số tiền thừa còn lại X1 đưa cho K. Sau

khi đưa tiền xong mọi người bắt đầu ăn cơm, uống rượu với nhau, trong khi ăn cơm thì bị cáo K đưa giấy chứng minh thư nhân dân trả lại cho P1. Khoảng 19 giờ cùng ngày, P1, C4, bà P2 và M1 đi về, C4 đã đưa số tiền thừa 400.000đ *(bốn trăm nghìn đồng)* còn lại cho C3 rồi cùng P1 đi về. Đối với gia đình bị cáo S khi gia đình C3 đi về thì cũng đi về nhà luôn.

** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:*

- Đồ vật, tài sản do người làm chứng tự nguyện giao nộp: 01 *(một)* biên bản làm việc lập ngày 28/01/2022 *(bản gốc)* do Già Mí P1, sinh năm 19..., trú tại thôn L, xã C2, huyện M tự nguyện giao nộp ngày 11/02/2022.

- Đồ vật, tài sản do Giàng Mí P (em của bị cáo S) tự giao nộp: 01 *(một)* xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đen xám, biển kiểm soát: 23B1-441.33. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy.

- Đồ vật, tài sản do Giàng Chứ N tự giao nộp:

+ Số tiền 55.000.000đ *(năm mươi lăm triệu đồng)* giao nộp ngày 15/3/2022.

+ Số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng)* giao nộp ngày 24/3/2022.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 08/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Mèo Vạc, xác định: Tổng giá trị tài sản được yêu cầu xác định: chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 23B1-441-33 của ông Vừ Mí S2 có giá trị là: 16.362.500 đồng *(mười sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).*

Kết quả xác định hiện trường về địa điểm, vị trí ngồi, khoảng cách, điều kiện ánh sáng khi các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị hại Vừ Mí S2, Vừ Mí C3 hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai của các bị hại, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

** Về việc xử lý vật chứng:*

Trong quá trình điều tra, xác định: Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đen xám, biển kiểm soát: 23B1-441.33, xe đã qua sử dụng và số tiền 56.000.000 đồng *(năm mươi sáu triệu đồng)* do các bị cáo S, K, N đã cưỡng đoạt được của các bị hại Vừ Mí S2 và Vừ Mí C3 là tài sản hợp pháp của các bị hại. Xét thấy việc trả lại tài sản là vật chứng của vụ án không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Ngày 31/3/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mèo Vạc ra Quyết định xử lý vật chứng và tiến hành trao trả chiếc xe máy có đặc điểm như trên cho ông Vừ Mí S2 và trao trả số tiền 56.000.000đ *(năm mươi sáu triệu đồng)* cho anh Vừ Mí C3.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Trong quá trình điều tra, các bị hại Vừ Mí S2, Vừ Mí C3 đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang trả lại toàn bộ các tài sản do bị các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N đã cưỡng đoạt nên các bị hại Vừ Mí S2 và Vừ Mí C3 không đề nghị các bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản chi phí nào khác.

Riêng số tiền 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* do bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N bắt Vừ Mí S2 phải đặt cọc ngày 27/01/2022, nếu ông S2 không đưa được Vừ Mí C3 đến đúng hẹn để giải quyết vụ việc thì sẽ bị mất số tiền trên. Sau khi ông S2 để lại số tiền đã về nói lại cho C3 biết, C3 đã chủ động

trả trước cho ông S2 số tiền trên nên ông S2 không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ngày 21/6/2022, bị hại Vừ Mí S2 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K và Giàng Chứ N.

Đối với số tiền 1.600.000 đồng *(một triệu sáu trăm nghìn đồng)* do Vừ Mí C3 đã bỏ ra để làm 02 mâm cơm cho mọi người ăn tại nhà Vừ Mí K. Quá trình điều tra, C3 thừa nhận cũng vì do có quan hệ tình cảm với Giàng Thị M1 nên mới để xảy ra sự việc trên, một phần lỗi cũng thuộc về C3, việc bỏ ra số tiền trên để nấu cơm do C3 cũng đồng ý nên Vừ Mí C3 không đề nghị các bị cáo phải bồi thường số tiền trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mèo Vạc, các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N đã khai hành vi phạm tội Cưỡng đoạt tài sản của mình như trên.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKMV ngày 03/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N về tội "Cưỡng đoạt tài sản", quy định điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố: Các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N đã phạm tội: Cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* xử phạt bị cáo Giàng Mí S mức án từ 03 *(ba)* năm 06 *(sáu)* tháng đến 04 *(bốn)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 11/3/2022.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; Điều 17; Điều 38; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* xử phạt bị cáo Vừ Mí K mức án từ 03 *(ba)* năm 06 *(sáu)* tháng đến 04 *(bốn)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 17/5/2022.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* xử phạt bị cáo Giàng Chứ N mức án từ 03 *(ba)* năm đến 03 *(ba)* năm 06 *(sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 17/5/2022.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo chỉ ở nhà làm nương, không có thu nhập ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mèo Vạc đã quyết định xử lý xong phần vật chứng của vụ án theo đúng quy định của pháp luật nên tại phiên tòa không xem xét.

Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại Vừ Mí S2 và Vừ Mí C3 không đề nghị các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Án phí**:** Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo Giàng Mí S, Giàng Chứ N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ, bị cáo Vừ Mí K quanh co không thành khẩn khai báo.

Ông Nguyễn Minh Hoàng: đồng thuận với Kiểm sát viên về tội danh. Bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại S2 xin giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có 03 con nhỏ, nguyên nhân phạm tội một phần do lỗi của bị hại, bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, việc phạm tội do tự phát. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Giàng Mí S mức án 36 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bà Vương Thị Minh Huệ: Nhất trí với Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo Vừ Mí K, Giàng Chứ N. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo một phần do lỗi của Giàng Thị M1 và bị hại Vừ Mí C3. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật hạn chế, được bị hại Vừ Mí S2 xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo N thành khẩn khai báo, tự nguyện giao nộp tài sản đã chiếm đoạt. Bị cáo K là người giúp sức trong vụ án, bị cáo chưa nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo không được chia chác lợi ích gì, sau khi được giải thích bị cáo đã hiểu ra hành vi vi phạm. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm d khoản 2 điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Giàng Chứ N, Vừ Mí K mỗi bị cáo 03 năm tù, đề nghị miễn án phí HSST cho các bị cáo.

Bị hại Vừ Mí S2: không yêu cầu gì, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Bị hại Vừ Mí C3: không có yêu cầu, đề nghị gì.

Lời khai của những người làm chứng hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Nói lời sau cùng:

Bị cáo Giàng Mí S: bị cáo sai đã sai rồi, bị cáo còn 03 con nhỏ, xin HĐXX giảm nhẹ.

Bị Cáo Giàng Chứ N: Bị cáo đã sai, xin HĐXX giảm nhẹ.

Bị cáo Vừ Mí K: xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo Giàng Mí S, Giàng Chứ N tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của những người làm chứng, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản xác định hiện trường, bản kết luận định giá tài sản số 01/KL –HĐĐGTS ngày 08/3/2022 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị cáo Vừ Mí K trong phần tranh luận đã thừa nhận hành vi sai trái của mình, đủ căn cứ xác định:

[3] Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26/01/2022, tại thôn Hố Quáng Phìn, xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, bị cáo Giàng Mí S cùng với bị cáo Vừ Mí K đã cùng thực hiện hành vi Cưỡng đoạt tài sản gồm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 23B1-441-33 của ông Vừ Mí S2, tài sản có giá trị là: 16.362.500 đồng *(mười sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)*. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 27/01/2022, tại nhà của Vừ Mí K thuộc thôn C, xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, các bị cáo Giàng Mí S, Giàng Chứ N và Vừ Mí K đã cùng thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản, gồm: 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* tiền mặt của ông Vừ Mí S2. Tổng giá trị tài sản do Giàng Mí S, Vừ Mí K cưỡng đoạt được của ông Vừ Mí S là: 17.362.500 đồng *(mười bảy triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* (Giàng Chứ N là 1.000.000 đồng).

[4] Khoảng 06 giờ ngày 28/01/2022 đến 14 giờ ngày 30/01/2022, tại nhà của Vừ Mí K ở thôn C, xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, các bị cáo Giàng Mí S, Giàng Chứ N, Vừ Mí K đã cùng thực hiện hành vi Cưỡng đoạt tài sản của ông Vừ Mí C3 tổng số tiền 55.000.000 đồng *(năm mươi lăm triệu đồng)*. Tổng giá trị tài sản các bị cáo Giàng Mí S, Giàng Chứ N, Vừ Mí K chiếm đoạt của Vừ Mí S2 và Vừ Mí C3 là: 72.362.500 đồng *(bảy mươi hai triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm nghìn đồng)* (trong đó bị cáo Giàng Chứ N là 56.000.000 đồng).

[5] Qua phân tích tại các đoạn [2], [3], [4] ở trên, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt của các bị cáo được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của BLHS 2015, có khung hình phạt bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

[6] Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa bàn các bị cáo gây án, các bị cáo đã đe dọa, buộc các bị hại phải chấp nhận trả số tiền theo yêu cầu của các bị cáo, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình trước pháp luật. Cần xét xử các bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi của các bị cáo, cách ly các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Các bị cáo Giàng Mí S, Giàng Chứ N, Vừ Mí K là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này, bị cáo Giàng Mí S là người khởi

xướng việc việc cưỡng đoạt tài sản, còn các bị cáo Vừ Mí K, Giàng Chứ N tham gia cùng thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy bị cáo Giàng Mí S phải chịu hình phạt nặng hơn so với các bị cáo Vừ Mí K, Giàng Chứ N. Vụ án có đồng phạm giản đơn.

[9] Bị cáo Vừ Mí K là người có trình độ học vấn, so với mặt bằng chung tại địa phương nơi bị cáo cư trú, bị cáo là người có trình độ hiểu biết và nhận thức nhất định, bị cáo còn là Trưởng thôn. Đáng lẽ ra bị cáo cần biết khuyên giải các bị cáo Giàng Mí S, Giàng Chứ N có xử sự phù hợp, nhưng bị cáo lại cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo Vừ Mí K quanh co không thành khẩn khai báo.

[10] Các bị cáo Giàng Mí S, Giàng Chứ N không được ăn học. Bị cáo Giàng Chứ N tuy là bố đẻ của bị cáo Giàng Mí S khi bị cáo S có hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị hại, bị cáo không những không ngăn cản, khuyên can tìm biện pháp giải quyết vụ việc hoặc báo cáo vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật mà còn tham gia cùng các bị cáo S, K thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị hại.

[11] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K và Giàng Chứ N có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS (Phạm tội 02 lần trở lên).

[12] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Giàng Mí S, Giàng Chứ N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải),* được hưởng tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 *(Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).* Bị cáo Vừ Mí K được hưởng tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 *(Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).*

[13] Cần ra quyết định tiếp tục tạm giam các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N để đảm bảo thi hành án.

[14] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không đảm nhiệm chức vụ gì; các bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[15] Đối với việc chị Giàng Thị M1 bị bị cáo Giàng Mí S và em trai ruột của mình là Giàng Mí S4 dùng tay tát vào mặt, do chỉ bị thương nhẹ không ảnh hưởng gì đến sức khỏe. Nguyên nhân dẫn đến vụ việc trên một phần lỗi cũng thuộc về M1 nên M1 không có đề nghị gì, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bị cáo S và Giàng Mí S4, HĐXX không đề cập.

[16] Đối với việc anh Già Mí P1 bị bị cáo Vừ Mí K giữ giấy chứng minh nhân dân: Sau khi gia đình Vừ Mí C3 trả đủ tiền bị cáo Vừ Mí K đã trả lại giấy chứng minh nhân dân cho P1, giấy tờ vẫn còn nguyên vẹn không bị hư hỏng, rách nát nên P1 không có đề nghị gì về việc này. HĐXX không đề cập.

[17] Đối với Giàng Mí P là người được bị cáo S bảo về lấy các đoạn gậy cùng Giàng Mí V, bản thân P cũng cầm một đoạn gậy khi chặn xe máy của Vừ Mí S2. Tuy nhiên, về việc này P làm theo sự chỉ đạo của bị cáo S, đồng thời, việc cầm gậy chỉ để đề phòng, không nhằm mục đích cưỡng đoạt tài sản, khi thấy S2 đi một

mình, P đã chủ động vứt gậy đi. Đối với việc P điều khiển xe máy của S2 về nhà là do P đi bộ nên bị cáo S đã bảo P điều khiển xe về nhà S. Trước, trong và sau thời gian giải quyết vụ việc, P chỉ có mặt để chứng kiến không tham gia bàn bạc, thống nhất gì với các bị cáo. Cơ quan điều tra Công an huyện Mèo Vạc không đặt vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự đối với Giàng Mí P mà chỉ nhắc nhở, răn đe nghiêm túc rút kinh nghiệm về việc này. HĐXX không xem xét.

[18] Đối với Giàng Mí V: Do là Công an viên thôn nên khi được bị cáo Vừ Mí K (Trưởng thôn) gọi điện thì V cũng đến với vai trò chỉ để chứng kiến. Trước, trong và sau khi các bị cáo thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị hại thì V không tham gia bàn bạc, thống nhất gì với các bị cáo. Việc V, P quay về lấy các đoạn gậy và cầm gậy là làm theo chỉ bảo của bị cáo S, đồng thời, việc cầm gậy theo chỉ để đề phòng không nhằm mục đích cưỡng đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự đối với V mà nhắc nhở, răn re, nghiêm túc chấp hành theo quy định pháp luật. HĐXX không xem xét.

[19] Đối với Giàng Mí T, bà Vàng Thị S1: Là những người thân thích của bị cáo Giàng Mí S và Giàng Chứ N, do sự việc xảy ra đối với người thân của mình nên T và bà S1 tham gia để chứng kiến sự việc. T và bà S1 không tham gia bàn bạc, trao đổi, thống nhất hay có lời nói, cử chỉ, hành động gì liên quan đến hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo đối với các bị hại. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mèo Vạc không đặt vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự đối với T, bà S1 mà nghiêm khắc giáo dục, nhắc nhở để họ nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. HĐXX không đề cập.

[20] Đối với Giàng Mí S4, Giàng Mí S3: Khi xảy ra sự việc thì S4 và S3 được anh rể là bị cáo S gọi đến để chứng kiến quá trình giải quyết việc của chị gái mình. S4 và S3 không tham gia, bàn bạc, thống nhất trao đổi gì với các bị cáo. Mặc dù, khi đi ra vị trí chặn xe máy thì S4 và S3 mỗi người cầm một đoạn gậy, tuy nhiên mục đích S4 và S3 cầm gậy là chỉ để đề phòng, không sử dụng vào việc cưỡng đoạt tài sản của bị hại S2. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mèo Vạc không đặt vấn đề xử lý hình sự đối với S4 và S3 mà nhắc nhở để họ nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. HĐXX không đề cập.

[21] Đối với Giàng Mí G2 là người được bị cáo Vừ Mí K nhờ viết biên bản làm việc. Trước, trong và sau khi xảy ra sự việc, G2 không biết được nội dung sự việc như thế nào mà tình cờ đến nhà K thì được K nhờ do G2 biết viết. Cơ quan điều tra không xử lý đối với G2 về việc này, HĐXX không đề cập.

[22] Căn cứ Điều 8, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bị cáo Giàng Mí S và Giàng Thị M1 chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không được coi là vợ chồng hợp pháp. Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với Giàng Thị M1 và Vừ Mí C3 về việc C3 và M1 có quan hệ tình cảm nam nữ với nhau trước thời điểm xảy ra vụ án mà nghiêm khắc giáo dục, nhắc nhở họ để nâng cao ý thức chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. HĐXX không đề cập.

[23] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mèo Vạc đã quyết định xử lý xong phần vật chứng của vụ án theo đúng quy định của pháp luật, HĐXX không xem xét.

[24] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị cưỡng đoạt, không có yêu cầu gì thêm. HĐXX không xem xét.

[25] Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của HĐXX, nên được chấp nhận.

[26] Đối với đề nghị của người bào chữa áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 BLHS cho bị cáo Vừ Mí K, tại phiên tòa bị cáo K khai báo quanh co, không thành khẩn, chỉ thừa nhận hành vi sai trái sau khi đã được chứng minh, HĐXX không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

[27] Về án phí: Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 23 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Giàng Mí S, Vừ Mí K, Giàng Chứ N phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; 17; 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; 58 Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017):* Xử phạt bị cáo Giàng Mí S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị bắt (ngày 11/3/2022).

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo Giàng Mí S với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; 17; 38; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; 58 Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017):* Xử phạt bị cáo Vừ Mí K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị bắt (ngày 17/5/2022).

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo Vừ Mí K với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; 17; 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; 58 Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017):* Xử phạt bị cáo Giàng Chứ N 03 (ba) năm tù, thời hạn tính từ ngày bị bắt (ngày 17/5/2022).

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo Giàng Mí N với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Vật chứng:

Vật chứng đã được xử lý xong, HĐXX không xem xét.

4. Trách nhiệm dân sự:

Đã được xử lý xong, các bị hại không đề nghị các bị cáo bồi thường gì thêm, HĐXX không xem xét.

5. Án phí: Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí HSST cho các bị cáo.

6. *Quyền kháng cáo*:

Các bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/9/2022)./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- HS THAHS;
- Trại Tạm giam;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Yên